

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	VSP01+RC3	7:25	21+1	0+0		19+3	0+0	
2	406	RC6+RP2+P2	7:25	4+3+15	0+0+0		0+0+19	0+0+0	
3	427	P8+P10+BK10	7:25	22+0+0	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
4	416	TD5	7:25	21	0		20	0	
5	420	TD3+CTK3+P6	7:25	16+2+4	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
6	410	AMD+P4	9:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
7	416	PPD	9:25	22	0		22	0	
8	407	RP3+P4	9:25	16+6	0+0		6+16	0+0	
9	427	TD3+P3	9:25	11+11	0+0		9+13	0+0	
10	420	AMD+TGTH4	9:25	17+5	0+0		16+4	0+0	CHUYỂN 1 AMD-TGTH4
11	410	VSP01	11:25	21	0		22	0	
12	406	RP3+PPD	11:25	10+12	0+0		2+20	0+0	
13	427	TTC3+P4	11:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
14	420	RP3+RC6+BK15	11:25	12+0+10	0+0+0		8+1+10	0+0+0	CHUYỂN 3 RC6- BK15
15	410	P6+TTC1+TTC2	13:25	12+5+5	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
16	406	BK4+P6+HST	13:25	3+17+2	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
17	427	RP3+P8	13:25	7+15	0+0		2+20	0+0	

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: VSP01 - RC3	CREW: VThắng - Thanh - N.Anh -	ETA: 09:10
XANH-1		HIEU	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TÂN	VSP01	73	1	3	35	73	DIEUHAN	Vietnamese
2	VŨ MINH ĐỨC	VSP01					50	DIEUHAN	Vietnamese
3	TRẦN THỊ THU HÀ	VSP01	66	1	2		53	DIEUHAN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01					70	CHI CUC B	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC CHUYỀN	VSP01					65	CTY HA L	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HUNG	VSP01	69	1	5		59	CTY HA L	Vietnamese
7	BUI VAN HAI	VSP01	67	1	18		62	CTY HA L	Vietnamese
8	LÊ HOANG SA	VSP01					79	CTY HA L	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI NAM	VSP01	70	1	5		75	VINACON	Vietnamese
10	ĐOÀN THỊNH LƯƠNG	VSP01					58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO ĐỨC HIỀN	VSP01					62	KH-THAC	Vietnamese
12	SABITOV A.A.	VSP01					80	KH-THAC	Russian
13	PHẠM VĂN HOAN	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
14	POPOV A.A.	VSP01	71	1	7		120	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN BA CƯỜNG	VSP01					81	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐO THỊ MÈN	VSP01	72	1	3		77	ANTOAN	Vietnamese
17	PASKEVICH V.V.	VSP01	75	1	10		100	KH-THAC	Russian
18	TRƯƠNG HIỀN	VSP01	78	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN KINH	VSP01					62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ SỸ KHÔI	VSP01	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	GURIN V.V.	VSP01	68	1	5		100	KH-THAC	Russian
22	ĐẠO XUÂN THỌ	RC3	45	1	5		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	11	67	1.555	35	19		
2	RC3	1	1	5	70	0	3		
TOTAL		22	12	72	1.625	35	22		
WEIGHT KG				72	1.625	35			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC6 - RP2 - P2	CREW: Hạnh - CHIẾN - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TRỰC	RC6	91-92	2	10		65	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HOẠT	RC6					65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI ĐÌNH ĐÍCH	RC6	90	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	BOIKO DENNIS	RC6	89	1	7		100	KH-THAC	Russian
5	VŨ VĂN SỸ	RP2	46	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	47	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN TRĂNG	RP2	45	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	BELENKO A	P2	37	1	5		100	D-HANH	Russian
9	ĐỖ DUY LỊCH	P2	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VINH	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
11	BOITV	P2					90	KH-THAC	Russian
12	POPOV	P2	39	1	5		85	KH-THAC	Russian
13	TRẦN VĂN TUNG	P2	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG TRINH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM QUANG NAM	P2	36	1	5		80	KHI	Vietnamese
16	PHẠM TÀI	P2	34	1	5		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	P2					75	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2	40-41	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUNG	P2	200	1	10	10	65	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TOÀN	P2	32	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN ĐAM	P2	33	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2					80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

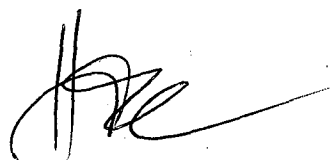
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	4	4	22	310	0	0		
2	RP2	3	3	17	196	0	0		
3	P2	15	11	60	1.132	10	19		
TOTAL		22	18	99	1.638	10	19		
WEIGHT KG				99	1.638	10			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P8 - P10 - BK10	CREW: Nam - XTruong - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	P8	63	1	5	40	65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUY	P8					67	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HÙNG	P8	79	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
4	KIREEV M. V.	P8	64	1	3		87	NIPI	Russian
5	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P8					65	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	P8	62	1	4		52	NHATHAU	Vietnamese
7	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN QUYẾT	P8	75-76	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TUẤN ANH	P8	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG HIỂN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
11	TIKHONOV	P8	72	1	12		100	KH-THAC	Russian
12	LÊ VĂN TÂN	P8	66	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	65	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	68	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	67	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	73	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	77	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIỀN DŨNG	P8	69	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH ĐỨC	P8	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	70	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯƠNG HAI HÀ	P8	80	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	20	98	1.489	40	12		
2	P10	0	0	0	0	25	4		
3	BK10	0	0	0	0	35	6		
TOTAL		22	20	98	1.489	100	22		
WEIGHT KG				98	1.489	100			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 4	TO: TD5	CREW: LHai - VTHU - HTNam	ETA: 09:35
TRANG-1			

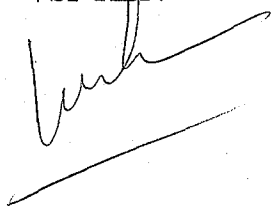
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG MINH	TD5	897	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	ALEKHIN A.G	TD5	26	1	10		95	KHOAN	Russian
3	VŨ NGUYỄN KHANG	TD5	94	1	1		86	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	25	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ THANH HÙNG	TD5	93	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH CÔNG	TD5	895	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	99	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	97	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	27	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
10	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	96	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
11	LIU THẾ ĐIỆN	TD5	92	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	82	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD5	91	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	LÂM VĂN HẠNH	TD5	700	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	CAO QUANG HÙNG	TD5	898	1	8	18	105	CODIEN	Vietnamese
16	VŨ MINH TUẤN	TD5	899,900	2	14		82	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD5	95	1	7		68	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	51	1	4		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	28	1	4		63	DVL	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	98	1	3		77	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	897	1	8		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

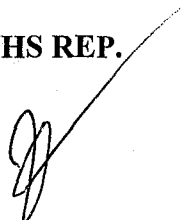
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	22	139	1.502	18	20		01NB : PHAM DINH QUOC
	TOTAL	21	22	139	1.502	18	20		
	WEIGHT KG			139	1.502	18			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	TO: TD3 - CTK3 - P6	CREW: Vận - ĐNam - Vũ	ETA: 09:30
HÔNG-1A			

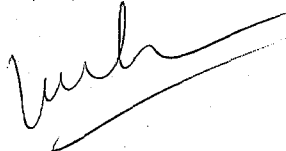
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD3	80	1	5		59	D-HANH	Vietnamese
2	SOROKA ANATOLY	TD3	78	1	11		111	KHOAN	Russian
3	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	81	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	79	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆN TUÂN	TD3	89	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	77	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH DUNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	88	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	86	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG THANH TÚ	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG HỮU TÀI-MC-PVD	TD3	85	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN QUÂN-PVDT	TD3	82	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	83	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH*MC-PVD	TD3	84	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM MINH TRỌNG	TD3	87	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	78	1	4	10	66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NHƯ SANG	CTK3	79	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH QUANG TRUNG	P6	90-91	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
20	GOLOVIN GENNADIY	P6	18	1	8	67	114	KH-THAC	Russian
21	NGUYỄN VĂN TÀI	P6	19	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	87-89	3	15		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	13	99	1.177	0	7		1 NB MR TUNG THAY CA CTK3
2	CTK3	2	2	14	137	10	9		
3	P6	4	7	42	324	67	6		
TOTAL		22	22	155	1.638	77	22		
WEIGHT KG				155	1.638	77			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	TO: AMD - P4	CREW: VThắng - Thanh - N.Anh -	ETA: 11:10
CAM-2		HIÊU	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CECIL VAUGHAN	AMD	50-51	2	12		81	KH-THAC	S.African
2	TRINH VAN PHA	AMD	49	1	4	90	62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH HUNG	AMD	55-56	2	18		57	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TRUNG KIEN	AMD	48	1	6	20	67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE DUC TAM	AMD	52	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DINH HIEU	AMD	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN SAU	AMD	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HA QUOC VIET	P4	27	1	3		63	KHI	Vietnamese
9	SUDAKOV A.A	P4	28	1	10		109	KHI	Russian
10	PHAM VAN QUYEN	P4	30	1	7		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN BACH DUONG	P4	29	1	7		76	KHI	Vietnamese
12	NGO VAN HA	P4	34	1	3		75	KHI	Vietnamese
13	LE VAN HUONG	P4	22	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	TRAN DUY KHUONG	P4	31	1	4		88	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CU	P4	21	1	7		75	KHI	Vietnamese
16	TA VAN QUYNH	P4					73	KHI	Vietnamese
17	LE NGOC KY	P4	32	1	3		72	KHI	Vietnamese
18	HOANG HUY TIEN	P4	23	1	6		60	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAM	P4	33	1	3		68	KHI	Vietnamese
20	HOANG THAI DUONG	P4	24	1	4		73	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN CHIEN CONG	P4	26	1	5		67	KHI	Vietnamese
22	BUI DANG TIEN	P4	25	1	6		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	9	62	476	110	4		
2	P4	15	14	73	1.114	0	18		
TOTAL		22	23	135	1.590	110	22		
WEIGHT KG				135	1.590	110			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	TO: PPD	CREW: LHai - VTHU - HTNam	ETA: 11:35
NAU-2			

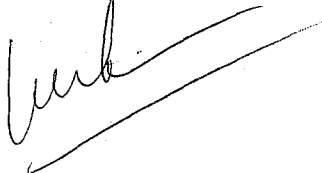
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VIỄN	PPD	68-69	2	10		75	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	71	1	3		58	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	78	1	5	75	68	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	PPD	72	1	5	150	75	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN DUNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	60	1	6		81	KHI	Vietnamese
7	VÕ TẠ QUANG	PPD	64	1	5		63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	67	1	5		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	74	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	LÊ MINH PHỤNG	PPD	77	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	BUI NGỌC HUONG	PPD	61	1	5		63	KHI	Vietnamese
12	PHAM HỒNG THAI	PPD	59	1	6		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	76	1	4		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					73	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	57	1	8		90	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	73	1	10		78	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	70	1	3		48	KHI	Vietnamese
18	HUYNH NAM LONG	PPD	58	1	12		70	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG PHÚC THIÊN	PPD	62	1	8		83	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THIẾU	PPD	66	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀNG	PPD	65	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
22	VŨ QUANG TUÂN	PPD	63	1	8		68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	131	1.539	225	22		
	TOTAL	22	21	131	1.539	225	22		
	WEIGHT KG			131	1.539	225			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 8	TO: RP3 - P4	CREW: Hạnh - CHIẾN - Năm	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					70	KHI	Vietnamese
2	TU NGOC HAI	RP3	16-17	2	9		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					66	KHI	Vietnamese
4	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	19	1	2		68	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					76	KHI	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	20	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	21-22	2	6		68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT QUANG	RP3	29	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	PHẠM DUY DUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	15	1	3		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN CUÔNG	RP3	24	1	5		78	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	18	1	4		81	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	23	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG ANH	RP3	26-27	2	19		70	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG QUẬN	RP3	28	1	6		75	KHI	Vietnamese
16	VU NGOC QUANG	RP3	25	1	4		80	DNVGL	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	85	1	5	50	70	KHI	Vietnamese
18	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
19	SHAZAN WAN	P4	88-89	2	20	5	65	KHI	Malaysian
20	TUÂN PHẠM	P4	86-87	2	18		85	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC ANH	P4	84	1	8		78	KHI	Vietnamese
22	LUƠNG TRỌNG HAO	P4	92-93	2	10		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	15	73	1.157	0	6		
2	P4	6	8	61	441	55	16		
TOTAL		22	23	134	1.598	55	22		
WEIGHT KG				134	1.598	55			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

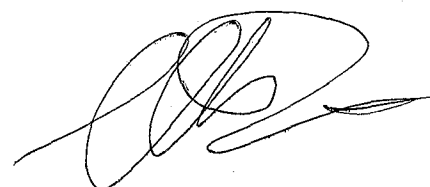
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	TO: TD3 - P3	CREW: Nam - XTrưởng - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

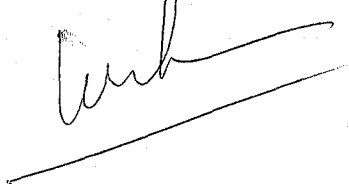
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN ANH	TD3	95-96	2	15		71	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HUÂN	TD3	92	1	10	12	60	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD3	94	1	11		74	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN ĐĂNG TUÂN	TD3	28	1	12		57	DVL	Vietnamese
5	VÔ TÂN TÀI	TD3	29-30	2	17	8	71	T-TIN	Vietnamese
6	LE THANH CHAU	TD3	90	1	7		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD3	99	1	7		62	SHINTRAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH DŨNG	TD3	97	1	8		77	SHINTRAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CHIẾN	TD3	98	1	7		45	SHINTRAC	Vietnamese
10	CAO MINH BAO	TD3	91	1	12		51	SHINTRAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	500	1	5		67	SHINTRAC	Vietnamese
12	VŨ TUÂN ANH	P3	74-75	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CUÔNG	P3	73	1	15	15	66	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ NGỌC TÂM	P3	66	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỢI	P3	67-68	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VAN THANG	P3	69	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN BA THÀNH	P3	80	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI NGOC THAO	P3	83-84	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG HOE	P3	76-77	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHANH	P3	81	1	14	10	55	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN HUY ANH	P3	78-79	2	18		94	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	P3	70-71	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

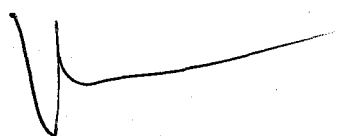
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	13	111	705	20	9		
2	P3	11	17	166	788	25	13		
TOTAL		22	30	277	1.493	45	22		
WEIGHT KG				277	1.493	45			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

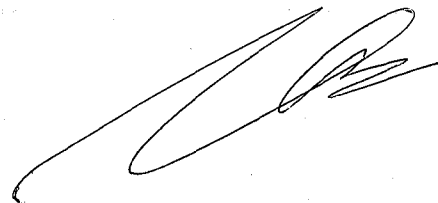
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 10	TO: AMD - TGTH4	CREW: Vận - ĐNam - Vũ	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÙNG	AMD	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRI TRUNG	AMD	44	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG CÔNG TÂN	AMD	36	1	4	16	68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	95	1	3	21	68	KH-THAC	Vietnamese
5	AHMAD ANUAR BIN MUHAMAD	AMD	34-35	2	12		85	KH-THAC	THAI
6	NGUYỄN NHAT THANH KHA	AMD	400	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ THẾ BÌNH	AMD	36-37	2	18	24	60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỒNG	AMD	38-39	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHU	AMD	94-95	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	98-99	2	9		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KIẾT	AMD	93-94	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN QUANG	AMD	40	1	5		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	96	1	8		54	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TUÂN	AMD	93	1	5		80	PSV	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	41	1	4		68	PSV	Vietnamese
16	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	42	1	4		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN LÂM THẠNG	AMD	43	1	5		88	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MINH KIẾN	TGTH4	18	1	7		75	HLJOC	Vietnamese
19	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	02-03	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG LONG	TGTH4	12-13	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN GIANG	TGTH4	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	TGTH4	06	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	23	143	1.176	61	16	1	CHUYỂN 1 PAX FROM AMD TO TGTH4
2	TGTH4	5	7	50	370	0	4		
TOTAL		22	30	193	1.546	61	20		
WEIGHT KG				193	1.546	61			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: VSP01	CREW: Hồi - Linh - NPhú - Luy	ETA: 13:10
XANH-3			

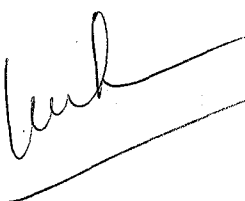
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01				5	69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN DUY BÌNH	VSP01	85	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	79	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	72	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	84	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	32	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HUỲNH VĂN THON	VSP01					79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	35	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THƯỢNG HAI	VSP01	31	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	80	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	33	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	30	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	82-83	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	VSP01	73-74	2	20		72	T-TIN	Vietnamese
21	VŨ QUANG THANH	VSP01	34	1	6		71	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	18	95	1.459	5	22		
	TOTAL	21	18	95	1.459	5	22		
	WEIGHT KG			95	1.459	5			

GRAND TOAL: 1.559 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	TO: RP3 - PPD	CREW: Khang - MTHAO - VLinH - NNam	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG ANH TUAN	RP3	39	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
2	LE NGOC PHU	RP3	40-41	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TINH	RP3	36-37	2	12		74	CODIEN	Vietnamese
4	TRINH NGOC TU	RP3	35	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM XUAN HAI	RP3	34	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
6	LE NGOC ANH	RP3	33	1	8	25	71	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG TUAN	RP3	30-31	2	12		67	CODIEN	Vietnamese
8	HOANG HUU TRONG	RP3	32	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
9	VU DUY PHUONG	RP3	43	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN LE HOANG LONG	RP3	42	1	10		75	KHI	Vietnamese
11	TRAN SON HAI	PPD	95-96	2	19		73	KHI	Vietnamese
12	DUONG TRUONG LAM	PPD	92	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	KHONG TIEN DUNG	PPD	99	1	4	20	73	KHI	Vietnamese
14	DO THANH PHUOC	PPD	01-02	2	17	18	58	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	PPD	097	1	13		63	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DO	PPD	100	1	12		77	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MINH	PPD	05-06	2	18		78	T-TIN	Vietnamese
18	MAI XUAN QUY	PPD	07-08	2	18		50	T-TIN	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	PPD	94	1	8		58	PSV	Vietnamese
20	PHAM VAN GIANG	PPD	93	1	4		56	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LINH	PPD	97	1	10		65	PSV	Vietnamese
22	TRAN NGOC QUANG	PPD	98	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	13	93	716	25	2		
2	PPD	12	16	133	789	38	20		
TOTAL		22	29	226	1.505	63	22		
WEIGHT KG				226	1.505	63			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Thao



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 13	TO: TTC3 - P4	CREW: Phong - Mạnh - Toàn	ETA: 13:20
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BACH ANH TUÂN	TTC3	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐẠI THANH	TTC3	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG HIẾU	TTC3	43	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ TIÊN DUNG	TTC3	38	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG SỰ	TTC3	40-41	2	15	55	78	CODIEN	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH NAM	TTC3	35	1	12		60	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN ANH QUANG	TTC3	36-37	2	18		77	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	TTC3	95-96	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH SỰ	TTC3	44	1	4		67	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN TRUNG	P4	99,100	2	13	20	68	YTE	Vietnamese
11	ĐỖ HOA VINH	P4					70	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NAM	P4	81	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	99	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	VŨ VĂN DUNG	P4	86	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH THAI	P4	83	1	4		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	96	1	5		62	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN AI	P4	98	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐẶC NHÀ	P4	97	1	4		62	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIÊN HỒNG	P4	500	1	7		52	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG THAI LONG	P4	82	1	6		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P4	97	1	5		78	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	P4	98	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	9	12	84	618	55	6		
2	P4	13	13	69	838	20	16		
TOTAL		22	25	153	1.456	75	22		
WEIGHT KG				153	1.456	75			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 14	TO: RP3 - RC6 - BK15	CREW: Vận - DUONG - Vũ	ETA: 13:30
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ TRỌNG HUY	RP3	45	1	8		87	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CHÍ HIỂU	RP3	25-26	2	13		73	KHI	Vietnamese
3	ĐỖ QUỐC VŨ	RP3	38	1	8		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT KHÁNH	RP3	44	1	13	25	72	KHI	Vietnamese
5	PHI HÙNG	RP3	37	1	7		69	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN NGOÁT	RP3	36	1	7		67	KHI	Vietnamese
7	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	34-35	2	12		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THÊ	RP3	31-32	2	20		65	KHI	Vietnamese
9	PHẠM DUY TUÂN	RP3	30	1	15		85	KHI	Vietnamese
10	PHAN VĂN SỸ	RP3	27	1	10		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC HIỆP	RP3	28-29	2	10		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG TẠO	RP3	33	1	7		57	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN TRIỆU	BK15	76	1	7	40	70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN LỘC	BK15	11-12	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	BK15	07-08	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG SỸ	BK15	48,17	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI THANH LONG	BK15	36	1	9		79	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM HA	BK15	49,60	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ TRI HẠI	BK15	13-14	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÔNG	BK15	09-10	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG HINH	BK15	15-16	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TRƯỞNG	BK15	77,58	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	16	130	850	25	8		CHUYEN 3 PAX FROM RC6 TO BK15
2	RC6	0	0	0	0	0	1+3		
3	BK15	10	18	158	672	40	10		
TOTAL		22	34	288	1.522	65	19		
WEIGHT KG				288	1.522	65			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:30
FLIGHT: 15	TO: P6 - TTC1 - TTC2	CREW: Hồi - Linh - NPhú - Luy	ETA: 15:10
cam-4			

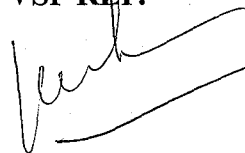
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KHUÔNG	P6	26	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC HOE	P6	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN CƯ	P6	900	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	P6	28-29	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THIN	P6	24	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	97	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HUNG	P6	800	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÔNG XUAN PHU	P6	27	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HUY THÔNG	P6	25	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	91	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SANG	P6	99	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN THANH	TTC1	45	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	47	1	4	70	68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HẠ	TTC1	49	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	50-51	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM SƠN	TTC1	48	1	8		83	GETRACO	Vietnamese
18	HOÀNG QUỐC BAO	TTC2	97	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	96,98	2	9		55	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ MẠNH HUNG	TTC2	22	1	4	25	64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	99	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	21	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

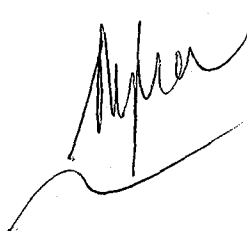
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	12	81	829	0	10		
2	TTC1	5	6	31	388	70	5		
3	TTC2	5	6	38	334	25	7		
TOTAL		22	24	150	1.551	95	22		
WEIGHT KG				150	1.551	95			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

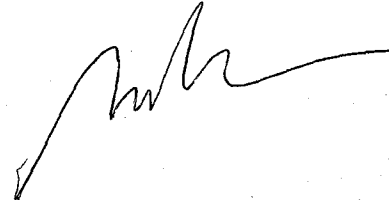
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:35
FLIGHT: 16	TO: BK4 - P6 - HST	CREW: Khang - MTHAO - VLin - NNam	ETA: 15:15
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HAI QUAN	BK4	05-06	2	14		73	PVGAS	Vietnamese
2	LE BIEN THUY	BK4	07-08	2	20	40	68	PVGAS	Vietnamese
3	HO DIEN BAO	BK4	68-69	2	18		60	PVGAS	Vietnamese
4	BUI THUC PHUC	P6					67	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO KIM SAM	P6	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HOANG TUNG	P6	90	1	13	6	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG	P6	400	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN NGOC VAN	P6	57	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
9	HA VAN CANH	P6	896	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN LOI	P6	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HOANG	P6	69-70	2	9		60	CODIEN	Vietnamese
12	LE HONG DUC	P6	67	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
13	TRAN XUAN HOAN	P6	71,88	2	15		55	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH KHA	P6	89	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
15	VU TRONG NGHIA	P6	92-93	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
16	TRAN PHU	P6	81-82	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
17	LE KIM SANG	P6	68	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
18	PHAN MANH LINH	P6	94	1	3		65	GETRACO	Vietnamese
19	TO CONG TANH	P6	96	1	5		66	GETRACO	Vietnamese
20	LE HUY TAN	P6	59	1	7		65	YTE -	Vietnamese
21	CHU DUC CHI	HST	09-10	2	11	7	68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NHA	HST	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	6	52	201	40	0		
2	P6	17	20	131	1,107	6	17		
3	HST	2	3	16	128	7	5		
TOTAL		22	29	199	1,436	53	22		
WEIGHT KG				199	1,436	53			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:40
FLIGHT: 17	TO: RP3 - P8	CREW: Phong - Mạnh - Toàn	ETA: 15:20
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HỒ VŨ	RP3	52-53	2	11		65	KHI	Vietnamese
2	PHAN THANH NHO	RP3	54-55	2	11		66	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BAO	RP3	56	1	10		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC DUƠNG	RP3	49-51	3	15		77	KHI	Vietnamese
5	LÊ KIM SONG	RP3	58-59	2	15		65	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHÚC	RP3	57	1	12		86	PSV	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOANG	P8	94	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH VINH	P8	87	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO ĐỨC THAI	P8	95	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	86	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	93	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG HẬU	P8	89	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	OVCHRENKO A N	P8	85	1	8		84	KH-THAC	Russian
14	VUONG VĂN THÔNG	P8	300,394-395	3	15		58	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚC	P8	96-97	2	6		62	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TŨE	P8	92	1	7		53	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THUAN	P8	91	1	6		53	PSV	Vietnamese
18	ĐẠU CÔNG SAU	P8	99	1	5		81	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN DUƠNG	P8	98	1	7		55	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	90	1	7		59	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN NAM	P8	88	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	11	74	429	0	2		
2	P8	15	18	95	988	0	20		
TOTAL		21	29	169	1.417	0	22		
WEIGHT KG				169	1.417	0			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

L/D VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MIRM	7:25	10	0		12	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: MRM	CREW: Toàn - MMinh	ETA: 10:45
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH QUOC KHANH	MRM	94	1	7		100	D-HANH	Vietnamese
2	ARUSHANOV SERGEI	MRM	96	1	8		100	KHOAN	Russian
3	MAKAROV EVGENY	MRM	95	1	12		92	ANTOAN	Russian
4	LE NGUYEN TRONG NGHI	MRM	98-99	2	11		89	NHATHAU	Vietnamese
5	NGUYEN TAN CUONG	MRM	03-04	2	17	20	65	NHATHAU	Vietnamese
6	LE ANH SON	MRM	01-02	2	15	70	65	NHATHAU	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUC	MRM	06	1	8		71	NHATHAU	Vietnamese
8	LUU HOANG	MRM	07-08	2	12		67	NHATHAU	Vietnamese
9	TRAN QUOC CUONG	MRM	400	1	5		85	NHATHAU	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	MRM	97	1	4		65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	14	99	799	90	12		
TOTAL		10	14	99	799	90	12		
WEIGHT KG				99	799	90			

GRAND TOAL: 988 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	JS2+TD3+BK5	7:25	18+0+4	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
2	846	RP2+CLO+P2	7:25	21+1+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
3	420	CTK3+BK3+RP3	7:25	14+0+8	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
4	427	RC3+RCDM+RP2	7:25	11+8+3	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
5	616	T.UNG	7:25	16	0		16	0	
6	410	RP3+TD2	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7	846	TTCl+P1+JS2	9:25	4+5+13	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
8	420	RP1+P6+TD1	9:25	21+0+1	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
9	427	TD5+RP1+P8	9:25	7+15+0	0+0		2+16+1	0+0	
10	410	RC6+RC5+RC4	11:25	5+8+6	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
11	846	BK3+RC3+RP2	11:25	10+1+10	0+0+0		1+4+13	0+0+0	
12	420	RCDM+RP3+CTK3	11:25	0+16+3	0+0+0		0+8+14	0+0+0	CHUYỂN 3 RCDM-RP3

TTBDSX

Комиссии на ЦТКЗ и РЦЗ вылет первыми рейсами; обратно последними рейсами.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: JS2 - TD3 - BK5	CREW: ATUẤN - Hạnh - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

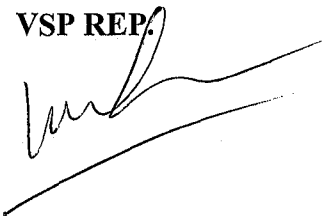
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI SÁNG	JS2	18	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG HOÀNG	JS2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ TUẤN ANH	JS2	19	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	JS2	14	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	JS2	41	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG TRỌNG TUẤN DAT	JS2	16	1	13		74	KHOAN	Vietnamese
7	MAI HAI LONG	JS2	17	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	CLIFFORD FERNANDES	JS2	98	1	10	20	86	KHOAN	Indian
9	GANGADHARAN MENON VINEETH	JS2	02	1	5		81	KHOAN	Indian
10	VO LE DUY TAN	JS2	20	1	8		83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	84	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH NGOC	JS2	23	1	5		48	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	12	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	22	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC MANG	JS2	73	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC HAI	JS2	76	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
17	LE VIET THUC	JS2	21	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN HOAI NIEM	JS2	97	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	HÀN VĂN GIAO	BK5	29	1	5	30	80	PVE	Vietnamese
20	PHẠM THANH TÙNG	BK5	28	1	6		85	PVE	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN THANH	BK5	36	1	5		57	PVE	Vietnamese
22	VU VĂN TUẤN	BK5	30	1	8		68	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

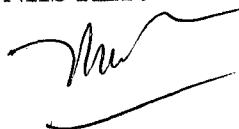
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	18	18	113	1.319	20	12		
2	TD3	0	0	0	0	0	4		
3	BK5	4	4	24	290	30	6		
TOTAL		22	22	137	1.609	50	22		
WEIGHT KG				137	1.609	50			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

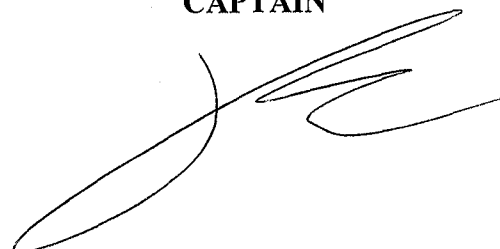
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: RP2 - CLO - P2	CREW: Khang - DUONG - NNam	ETA: 09:15
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN BAN	RP2	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VAN LY	RP2	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC SANG	RP2	08	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VU QUYEN	RP2	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN LONG	RP2	52	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGUYEN BAO MINH	RP2	50	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG DINH YEN	RP2	03	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH DUY	RP2	49	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VAN QUAN	RP2	900	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN THANH	RP2	11	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUOC KHANH	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HUNG	RP2	28	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC VINH	RP2	51	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG XUAN KHOA	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DAT	RP2	53-54	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH TUAN	RP2	10	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	09	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DUY QUYEN	RP2	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG QUANG	RP2	500	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG VAN DUC	RP2	05	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CHI CUONG	RP2	06-07	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VAN QUANG	CLO	44	1	9		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

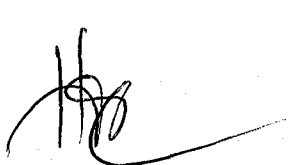
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	21	21	97	1.378	5	14		
2	CLO	1	1	9	82	0	4		
3	P2	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	22	106	1.460	25	22		
WEIGHT KG				106	1.460	25			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - BK3 - RP3	CREW: Vận - Mạnh - Toàn	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YURITSKAYA A. V	CTK3					60	D-HANH	Russian
2	KASHUBA A. V	CTK3	18	1	5		68	D-HANH	Russian
3	BOBROV M. D	CTK3	37	1	3	40	97	D-HANH	Russian
4	KURITSYN O. V	CTK3	33	1	5		102	D-HANH	Russian
5	LAZAREV K. S	CTK3	36	1	5		85	D-HANH	Russian
6	GRACHEV E. V	CTK3	16	1	5		72	D-HANH	Russian
7	SLAVINA J. A	CTK3					57	D-HANH	Russian
8	NIKISHIN A. A	CTK3	17	1	5		64	D-HANH	Russian
9	VAFIN R. F	CTK3	35	1	4		80	D-HANH	Russian
10	SPIRIN E. YU	CTK3	34	1	3		92	D-HANH	Russian
11	KOLESNIKOV YU. M	CTK3	31	1	2		93	D-HANH	Russian
12	HOANG THỊ THU HA	CTK3					55	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN TÚ MAI	CTK3					61	D-HANH	Vietnamese
14	POPOV A.A	CTK3	32	1	5		69	KH-THAC	Russian
15	BUI ANH SON	RP3	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	64	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TÂN CHAU	RP3	66	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	62	1	5	40	85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	63	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO QUANG HUNG	RP3	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ANH	RP3	61	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	10	42	1.055	40	0		
2	BK3	0	0	0	0	40	10		
3	RP3	8	7	40	588	40	12		
TOTAL		22	17	82	1.643	120	22		
WEIGHT KG				82	1.643	120			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: RC3 - RCDM - RP2	CREW: Phong - XTrường - Luy	ETA: 09:30
NAU-1			

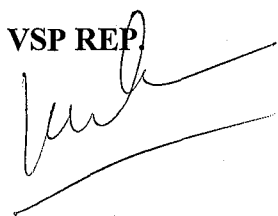
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	54	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẬU HUY HOÀNG	RC3	80-81	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	KRAMARENKO V. V	RC3	51	1	4		62	D-HANH	Russian
4	ĐỖ HIỆP PHÚ	RC3	53	1	3	45	52	D-HANH	Vietnamese
5	KUSHENKO N. V	RC3	50	1	3		75	D-HANH	Russian
6	PHÙNG QUANG THẮNG	RC3					76	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HOÀNG ANH	RC3	82	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG AN	RC3	52	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG HỮU THUẬN	RC3	84	1	5	60	70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG PHÚ	RC3	83	1	13		76	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	05-06	2	20		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ ĐẶC TOÀN	RCDM	04	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI QUỐC VIỆT	RCDM	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	0				75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TÙNG	RCDM	03	1	10		78	YTE	Vietnamese
17	HỒ TRỌNG BẰNG	RCDM	01	1	5	30	76	PSV	Vietnamese
18	LÊ NGỌC AN	RCDM	07	1	3	20	60	NHATHAU	Vietnamese
19	HÀ THANH SANG	RCDM	08	1	5		65	NHATHAU	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	14	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
21	VÕ TUẤN ANH	RP2	15	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ ĐỨC LONG	RP2	13	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

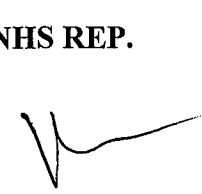
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	11	59	782	105	7		+1 NOI BO NGUYEN TRUONG GIAP
2	RCDM	8	8	57	555	50	5		
3	RP2	3	3	15	208	0	10		
TOTAL		22	22	131	1.545	155	22		
WEIGHT KG				131	1.545	155			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

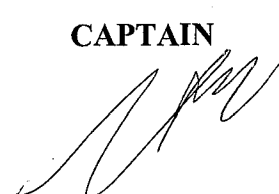
VSP REP



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:25
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: Dũng - Thanh	ETA: 10:40
XANH-1A			

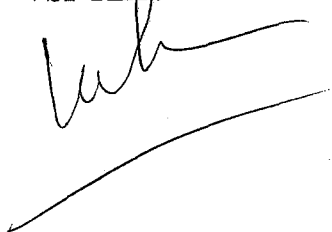
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM GIÁP TRÍ	T.UNG	34	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG VAN THONG	T.UNG	22	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
3	VU HUNG TUAN	T.UNG	23	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TAM	T.UNG	30	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VIET TUNG	T.UNG					71	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN CUONG	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAN	T.UNG	21	1	4	70	65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN SON	T.UNG	24-25	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUY DU	T.UNG	29	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
10	DO THANH TUNG	T.UNG	31	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH TUAN	T.UNG	26-27	2	12		52	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ANH TUAN	T.UNG	28	1	14		58	KH-THAC	Vietnamese
13	HO DINH HUY	T.UNG	32	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	T.UNG	37-38	2	17		55	CODIEN	Vietnamese
15	HA MANH HOANG	T.UNG	35	1	10	22	70	CODIEN	Vietnamese
16	DINH MAI THIEN	T.UNG	20	1	5	15	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	17	100	1.104	107	16		
	TOTAL	16	17	100	1.104	107	16		
	WEIGHT KG			100	1.104	107			

GRAND TOAL: 1.311 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	TO: RP3 - TD2	CREW: QViệt - Hạnh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

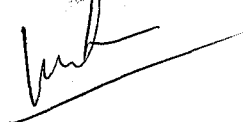
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	76-77	2	10	40	89	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP3	73	1	2		86	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	83-84	2	11		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	69	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN HOA	RP3	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	91-92	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	86	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	79	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC HUY	RP3	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG VĂN LUONG	RP3	85	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
13	LẠI ĐỨC BAY	RP3	81	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	87	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KHIÊM HIỆU	RP3	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	75	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG XUÂN HUNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HUNG	RP3	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	80	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VIỆT HAI	RP3	70-71	2	11		67	THANGLO	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN MINH	RP3	88	1	7		59	THANGLO	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH CÂN	RP3	89	1	10		57	THANGLO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	121	1.508	40	20		
2	TD2	0	0	0	0	5	2		
TOTAL		22	24	121	1.508	45	22		
WEIGHT KG				121	1.508	45			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: TTC1 - P1 - JS2	CREW: Khang - DUONG - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUC	TTC1	58	1	9		85	KH-THAC	Russian
2	VU ĐỨC SANG	TTC1	57	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HIỂU	TTC1	56	1	8	42	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	TTC1	59	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUÂN	P1	55	1	8		73	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC HUNG	P1	58	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC CÔNG	P1	57	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG ĐỨC MẠNH	P1	59	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P1	56	1	10	18	65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN TIEP	JS2	13	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN GIANG	JS2	64	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG XUAN CANH	JS2	63	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	VO VAN LINH	JS2	95	1	2		54	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN XUAN PHU	JS2	61	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
15	DANG MINH SON	JS2	66	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
16	DINH VIET DUNG	JS2	68	1	4	11	57	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG SON	JS2	69	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ MINH KHA	JS2	67	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	11	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH VAN VINH	JS2	30-32	3	18		94	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	JS2	900	1	5		74	NIPI	Vietnamese
22	DINH VAN GIANG	JS2	93	1	5	17	73	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	4	37	297	42	0		
2	P1	5	5	49	359	18	1		
3	JS2	13	15	100	919	28	21		
TOTAL		22	24	186	1.575	88	22		
WEIGHT KG				186	1.575	88			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	TO: RP1 - P6 - TD1	CREW: Vận - Mạnh - Toan	ETA: 11:20
TRANG-2			

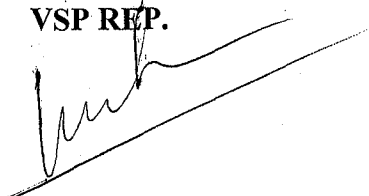
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAMEJOV	RP1	84	1	5		80	KH-THAC	Russian
2	BUI ANH SON	RP1					57	D HANH	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	RP1	77	1	4		74	D HANH	Vietnamese
4	NGUYEN HO THIEN TAM	RP1	91-93	3	16		65	KH-THAC	Vietnamese
5	KOROQLUEV RAMIL	RP1	85	1	5		71	KH-THAC	Russian
6	NIKITIN DMITRIY	RP1	86	1	5		86	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN VIET THANH	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG TUNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC PHONG	RP1	75	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MANH HUNG	RP1	87	1	4	20	80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAM	RP1	81	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DINH HOAN	RP1	88	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN MINH HIEU	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
14	TAO QUANG NGAN	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUC THIEN	RP1	89	1	4	30	77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	83	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NAM SINH	RP1	82	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CONG TOAN	RP1	78	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	94	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC HONG	RP1	76	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG DINH BA	RP1	79-80	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VAN QUYET	TD1	71,86	2	15		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	21	19	95	1.548	50	12		
2	P6	0	0	0	0	35	4		
3	TD1	1	2	15	85	0	6		
TOTAL		22	21	110	1.633	85	22		
WEIGHT KG				110	1.633	85			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

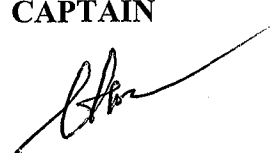
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: TD5 - RP1 - P8	CREW: Phong - XTruong - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LIJITH VASANTHALAL	TD5	99	1	5	16	80	SCHLUMB	Indian
2	VU ANH HIEU	TD5	55	1	7	15	52	SCHLUMB	Vietnamese
3	MANASVI KAUSHIK	TD5	53-54	2	18		81	SCHLUMB	Indian
4	ANEESH SALELKAR	TD5	400	1	10		72	SCHLUMB	Indian
5	NGUYEN DUC MINH	TD5	96	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	BUI MANH PHUC	TD5	98	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE DUNG	TD5	97	1	12		59	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUNG CUONG	RP1	49	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA QUY	RP1	50	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG LOC	RP1	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THUY	RP1	41	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH CONG	RP1					59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO THAI HA	RP1	45	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THE ANH	RP1	46-47	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM XUAN TRUONG	RP1	44	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG HIEP	RP1	40	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THANG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
18	ROGINSKY D. K	RP1	39	1	3		108	ANTOAN	Russian
19	TRAN VAN LINH	RP1	42	1	5		70	NIPI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DUNG	RP1	38	1	5		63	NIPI	Vietnamese
21	DANG BA DIEU	RP1	43	1	4		60	YTE	Vietnamese
22	PHAM MANH CUONG	RP1	37	1	7		78	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	8	64	487	31	2		
2	RP1	15	14	85	1.065	0	16		
3	P8	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	149	1.552	31	19		
WEIGHT KG				149	1.552	31			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: RC6 - RC5 - RC4	CREW: QViệt - Hạnh - Vũ	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THI	RC6	400	1	4	40	120	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VĂN TÙNG	RC6	98	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	42	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TRUNG	RC6	43-44	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
5	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	99,900	2	10		64	PSV	Vietnamese
6	GUSEINOV A.A	RC5	40	1	7	30	85	KH-THAC	Russian
7	HOANG TỊ	RC5					64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NAM THẮNG	RC5	39	1	4		104	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CỤC	RC5	37	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ VŨ	RC5	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH TÙNG LAM	RC5	41-42	2	11	21	64	T-TIN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	38	1	4		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	86	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC4	84	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	83	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU TIẾN BÌNH	RC4	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ DINH THẮNG	RC4	36	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	85	1	2		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	7	33	401	40	7		
2	RC5	8	8	48	613	51	8		
3	RC4	6	6	30	428	35	7		
TOTAL		19	21	111	1.442	126	22		
WEIGHT KG				111	1.442	126			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: BK3 - RC3 - RP2	CREW: Khang - Linh - PTUẤN	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LƯƠNG	BK3	27	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TIEN	BK3	28-29	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HOAN	BK3	45-46	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VĂN THIET	BK3	68	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BIÊN XUÂN THẮNG	BK3	99,900	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ XUÂN LẬP	BK3	84	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
7	DƯƠNG SỸ CHIẾN	BK3	60	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN SỸ MỸ	BK3	25-26	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HUY CHUÔNG	BK3	85-86	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	24	1	5		50	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN VIỆT	RC3	70	1	4	20	78	KH-THAC	Vietnamese
12	BELYAEV	RP2	79	1	10		80	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TIỀN QUÝ	RP2	21	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RP2	23	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VIỆT HUÂN	RP2	20	1	10	30	67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN PHONG	RP2	22	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAM VĂN QUANG	RP2	18	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÀI	RP2	24	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT (A)	RP2	16	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN CAO MÔNG	RP2	17	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	19	1	10		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	10	15	140	625	0	1		
2	RC3	1	1	4	78	20	4		
3	RP2	10	10	90	697	30	13		
TOTAL		21	26	234	1.400	50	18		
WEIGHT KG				234	1.400	50			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT:	TO: RCDM - RP3 - CTK3	CREW: Vận - ĐNam - Huy	ETA: 13:20
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN NGHI	RP3	96	1	9		58	THANGLO	Vietnamese
2	NGUYEN DUY KHANH	RP3	98-99	2	8		58	THANGLO	Vietnamese
3	TRAN QUOC HAO	RP3	95	1	7		49	THANGLO	Vietnamese
4	HA THANH BIEN	RP3	97	1	7		62	THANGLO	Vietnamese
5	NGUYEN THANH SANG	RP3	01	1	7		65	THANGLO	Vietnamese
6	LUONG HO VU	RP3	02-03	2	12		67	THANGLO	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG DUONG	RP3	800	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH NAM	RP3	07-08	2	14		60	KHI	Vietnamese
9	S CHIT HTWE	RP3	04-06	3	17		84	KHI	Singapore
10	DO PHU SANG	RP3	18	1	3		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HUU TUYEN	RP3	16-17	2	20		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN KIM TUAN	RP3	13-15	3	18		91	KHI	Vietnamese
13	QUACH VAN THAO	RP3	19-21	3	14		73	YTE	Vietnamese
14	PHAN VAN HONG	RP3	12	1	6		65	PSV	Vietnamese
15	TA PHI KHANH	RP3					76	PVGAS	Vietnamese
16	MACARAEG NICANDRE TUMAMAO	RP3	11	1	10	20	108	PVGAS	Philippines
17	LA TUAN LINH	CTK3	59-60	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SANG	CTK3	21-22	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN MINH TAM	CTK3	58	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	0	0	0	0	40	0+5		CHUYEN 3 PAX FORM RCDM TO RP3
2	RP3	16	25	159	1.114	20	8		
3	CTK3	3	5	39	195	0	14		
TOTAL		19	30	198	1.309	60	22		
WEIGHT KG				198	1.309	60			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN